TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-PT
Ngày 23-4-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt

Ông Phạm Tuấn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện QN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D. Địa chỉ: Bản M, xã M S, huyện QN, tỉnh Sơn La (Có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Ngần Văn L, bà Lò Thị S. Địa chỉ: Bản M, xã M S, huyện QN, tỉnh Sơn La (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Bá Linh – Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lò Văn Đ. Địa chỉ: Bản M, xã M S, huyện QN, tỉnh Sơn La (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Minh Huấn – Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La (Có mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Lò Văn T, bà Mè Thị B. Địa chỉ: Bản M, xã M S, huyện QN, tỉnh Sơn La (Có mặt).

- Chị Ngần Thị H. Địa chỉ: Bản M, xã M S, huyện QN, tỉnh Sơn La (Có mặt).

5. Người phiên dịch:

- Bà Quàng Hồng Nết. Địa chỉ: Bản Giảng Lắc, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Có mặt).

6. Người kháng cáo:

- Ông Ngần Văn L – bị đơn; ông Lò Văn Đ - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm*:

Nguyên đơn ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D trình bày:

Ngày 05/6/2017, vợ chồng ông Ngần Văn L, bà Lò Thị S có vay ông Ng số tiền 140.000.00 đồng để làm ăn. Hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 02 tháng. Tuy nhiên hết thời hạn như đã thỏa thuận, mặc dù ông Ng đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông L không trả. Ngày 21/10/2017, ông Ngần Văn L đã viết giấy chuyển nhượng 01 máy xúc cho ông Ng, bà D. Khi đó ông Ng, bà D không lấy máy xúc ngay mà vẫn để cho ông L làm ăn để trả nợ. Ngày 14/11/2017, vợ chồng ông Ng, bà D cùng vợ chồng ông Lò Văn T, bà Mè Thị B cùng đi sang huyện SM để đòi tiền ông Ngần Văn L thì ông L đồng ý cho ông Ng giữ máy xúc, lúc nào có tiền trả thì ông L sẽ lấy máy xúc về. Chìa khóa do ông T cầm. Ngày 10/12/2017, ông Ng viết đơn yêu cầu Công an huyện QN giải quyết vụ việc. Ngày 25/01/2018, Công an triệu tập ông Ng, ông L và ông Lò Văn Đ (anh họ ông L) để giải quyết, yêu cầu ông L phải trả tiền cho ông Ng và lấy máy xúc về nhưng không được sự nhất trí của ông Đ. Do vậy, ông Ng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ngần Văn L có trách nhiệm trả số tiền đã vay là 140.000.000 đồng, tiền mua ắc quy máy xúc 4.400.000 đồng, tiền trả nợ cho ông L để lấy máy xúc là 6.500.000 đồng, tiền thuê xe chở máy xúc là 7.000.000 đồng. Tổng cộng 157.900.000 đồng.

Bị đơn ông Ngần Văn L, bà Lò Thị S trình bày:

Tháng 1/2017, do con bị ốm nên gia đình ông có vay của vợ chồng ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D số tiền 170.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ gì, thỏa thuận tính lãi 3%. Do con phải đi điều trị bệnh tại Hà Nội nên khi ông Ng đến đòi tiền thì ông không có tiền trả nên đã xin khất, sau đó vợ ông L (bà S) có mang 30.000.000 đồng trả cho ông Ng, còn nợ lại 140.000.000 đồng. Do sợ bị tính lãi cao nên ngày 15/6/2017, vợ chồng ông có đi vay vợ chồng ông Lò Văn T, bà Mè Thị B để trả cho vợ chồng ông Ng nhưng không được ông T nhất trí, do đó ông đã phải gọi điện cho ông Lò Văn Đ (anh rể) xuống làm chứng thì mới được ông T cho vay 100.000.000 đồng. Số tiền trên ông L đã đưa cho bà D. Bà D đã đếm và nhận đủ 100.000.000 đồng, có sự chứng kiến của vợ chồng ông L, vợ chồng ông T, ông Đ. Do tin tưởng nhau nên hai bên không làm giấy tờ. Đến nay gia đình ông chỉ còn nợ gia đình ông Ng 40.000.000 đồng và hứa sẽ trả trong tháng 8/2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Đ trình bày:

Ông Đ có sở hữu một chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX120-2, ông có sử dụng chiếc máy xúc trên đi làm ăn tại xã CK, huyện SM, tỉnh Sơn La. Sau một thời gian, do người nhà ốm nên ông đã về nhà tại Bản M, xã M S đồng thời nhờ em vợ là Ngần Văn L đi trông giúp máy xúc. Ngày 14/11/2017, vợ chồng ông Ngần Văn Ng đến chiếm đoạt chiếc máy xúc của ông Đ mà không được sự đồng ý của ông. Việc máy xúc bị chiếm đoạt đã khiến ông Đ bị mất thu nhập (tương đương 5.600.000 đồng/ ngày). Ông Đ đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Ng phải trả lại chiếc máy xúc và bồi thường tiền mất thu nhập từ thời điểm bị chiếm đoạt máy xúc đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản án số 02/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La quyết định:

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468; Điều 166, 170 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Ngần Văn L, Lò Thị S phải trả cho vợ chồng Ngần Văn Ng, Tòng Thị D số tiền vay 140.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền tiền mua ắc quy của máy xúc 4.400.000 đồng, tiền trả nợ cho Ly để lấy máy xúc 6.500.000 đồng, tiền thuê xe chở máy xúc 7.000.000 đồng.

Buộc nguyên đơn Ngần Văn Ng, Tòng Thị D phải trả lại cho ông Lò Văn Đ tài sản là 01 chiếc máy xúc hiệu HITACHI EX120-2.

Bác yêu cầu bồi thường của Lò Văn Đ đối với vợ chồng Ngần Văn Ng, Tòng Thị D.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2018, bị đơn ông Ngần Văn L có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn Ngần Văn L, Lò Thị S phải trả cho vợ chồng Ngần Văn Ng, Tòng Thị D số tiền vay 140.000.000 đồng; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu bồi thường của Lò Văn Đ đối với vợ chồng Ngần Văn Ng và Tòng Thị D.

Tại cấp phúc thẩm, ngày 08/3/2019 và tại phiên tòa ngày 14/3/2019, bị đơn Ngần Văn L, Lò Thị S xác định chữ ký của bà Lò Thị S là giả và đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà Lò Thị S trong giấy vay tiền và giấy chuyển nhượng máy xúc. Hội đồng xét xử đã tiến hành tạm dừng phiên tòa để thực hiện theo yêu cầu của bị đơn, tuy nhiên phía bị đơn không xuất trình được các căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và không nộp tạm ứng chi phí giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Bá Linh đưa ra quan điểm: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy, hoặc sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Ngần Văn L về việc bị đơn Ngần Văn L đã thanh toán cho phía gia đình Ngọc Diện số tiền 100.000.000 đồng tại nhà Lò Văn T, Mè Thị B.

Bị đơn ông Ngần Văn L, bà Lò Thị S không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Minh Huấn đưa ra quan điểm: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo hướng buộc nguyên đơn Ngần Văn Ng, Tòng Thị D phải trả lại máy xúc cho ông Lò Văn Đ và có trách nhiệm sửa chữa để đảm bảo máy hoạt động được khi trao trả. Buộc nguyên đơn có trách nhiệm bồi thường số tiền mất thu nhập là 5.600.000 đồng/ ngày tính từ ngày 14/11/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Đ không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Nguyên đơn ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D đưa ra quan điểm: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Ngần Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn Đ. Căn cứ Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí, buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập tại cấp sơ thẩm thể hiện ngày 05/6/2017, ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D có cho ông Ngần Văn L, bà Lò Thị S vay số tiền là 170.000.000 đồng. Do chưa được trả nợ nên ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D có đơn khởi kiện tới Tòa án. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Ngần Văn L không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn Ngần Văn L, Lò Thị S phải trả cho vợ chồng Ngần Văn Ng, Tòng Thị D số tiền vay 140.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Phía nguyên đơn ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D xác định bị đơn ông Ngần Văn L, Lò Thị S còn nợ 140.000.000 đồng căn cứ trên giấy vay tiền có ký nhận của các bên. Mục đích vay tiền là để chữa bệnh cho con và sử dụng phục vụ cuộc sống gia đình. Tại cấp phúc thẩm, ông L, bà S cho rằng bà S không được ký vào giấy vay tiền và giấy chuyển nhượng máy xúc. Tuy nhiên phía nguyên đơn ông Ng, bà D cũng thừa nhận đó không phải là chữ ký của bà S mà do ông L ký. Sau khi Hội đồng xét xử dừng phiên tòa và có yêu cầu ông L cung cấp các tài liệu chứng cứ phục vụ cho việc giám định chữ ký và nộp chi phí giám định chữ ký nhưng ông L không thực hiện. Do đó cấp phúc thẩm không có

căn cứ để xem xét. Ông L cho rằng ông L, bà S đã thanh toán thêm được 100.000.000 đồng và còn nợ 40.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng do bà D trực tiếp nhận tại nhà ông T, bà B nhưng không làm giấy tờ. Tuy nhiên bà D không thừa nhận việc được nhận 100.000.000 đồng để trừ vào nợ từ gia đình ông L. Ông L cho rằng việc giao nhận tiền có sự chứng kiến của ông Lò Văn T, bà Mè Thị B và ông Lò Văn Đ và những người trên đều xác định sự việc như vậy. Tuy nhiên những nhân chứng này đều là người có mối quan hệ họ hàng thân thích với ông Ngần Văn L, bà Lò Thị S, do đó lời khai của những người trên không đảm bảo tính khách quan. Mặt khác, căn cứ các tài liệu trong vụ án thể hiện, quá trình vay tiền, trả tiền, giữa nguyên đơn và bị đơn đều lập thành văn bản. Quá trình bị đơn vay tiền của ông T, bà B cũng đều lập thành văn bản. Số tiền 100.000.000 đồng là số tiền lớn, do đó việc giao nhận tiền để thanh toán nợ mà không được lập thành giấy tờ, văn bản, không được giảm trừ như lần thanh toán trước đó thể hiện trong giấy vay tiền là không phù hợp với thực tế khách quan. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn Ngần Văn L là không có căn cứ, không được chấp nhận. Khoản tiền vay của ông L là khoản tiền vay để sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên cấp sơ thẩm buộc ông L, bà S phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Ng, bà D là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu bồi thường của Lò Văn Đ đối với vợ chồng Ngần Văn Ng và Tòng Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX120-2 do ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D cầm giữ trong vụ án là tài sản hợp pháp của ông Lò Văn Đ. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Ng, bà D trả chiếc máy xúc cho ông Đ là có căn cứ. Đối với yêu cầu bồi thường của ông Lò Văn Đ, thấy rằng: Việc ông Ng, bà D cầm giữ chiếc máy xúc là do lầm tưởng đó là tài sản của ông L, bà S. Việc lầm tưởng này xuất phát từ việc ông L cố tình gây nhầm lẫn cho ông Ng, bà D. Ông L không phải là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc máy xúc, biết chiếc máy xúc đó là tài sản của ông Đ nhưng vẫn ký giấy chuyển nhượng máy xúc (tại kết luận giám định số 431 ngày 04/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận chữ ký trong giấy chuyển nhượng máy xúc chính là chữ ký của Ngần Văn L). Ngày 14/11/2017, ông L tiếp tục để ông Ng, bà D cùng ông T, bà B (họ hàng nhà ông L) đến lấy máy xúc đi mà không có bất cứ hành động ngăn cản nào. Do vậy có thể thấy rằng, ông L có hành vi lừa dối đối với ông Ng, bà D khiến cho ông Ng, bà D cầm giữ tài sản của ông Lò Văn Đ, gây thiệt hại (mất thu nhập) đối với ông Đ. Mặt khác, sau khi lập giấy bán máy xúc, ông L có báo lại sự việc với ông Đ nhưng bản thân ông Đ không có động thái nào, đến khi ông Ng lấy đi chiếc máy xúc, ông Đ cũng thể hiện thái độ bỏ mặc. Trong trường hợp này, ông Ng, bà D không có lỗi trong

việc gây thiệt hại cho ông Đ. Do đó cấp sơ thẩm bác yêu cầu bồi thường của ông Lò Văn Đ đối với ông Ngần Văn Ng, bà Tòng Thị D là có căn cứ, đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Ngần Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Án phí: Bị đơn ông Ngần Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn Ngần Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468; Điều 166, 170 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Ngần Văn L, Lò Thị S phải trả cho vợ chồng Ngần Văn Ng, Tòng Thị D số tiền vay 140.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bác yêu cầu bồi thường của Lò Văn Đ đối với vợ chồng Ngần Văn Ng, Tòng Thị D.

2. Án phí:

Bị đơn Ngần Văn L phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc

thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001710 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QN, tỉnh Sơn La. Bị đơn Ngần Văn L đã nộp đủ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001705 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QN, tỉnh Sơn La. quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn Đ đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (23/4/2019).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện QN;
- Chi cục THADS huyện QN;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tòng Thị Hiền